

CÂU XÁ LUẬN SỚ

QUYỂN 20

Phẩm 5: PHÂN BIỆT TÙY MIÊN (Phần 2)

1. Nói về thế phước:

Luận chép: Các loài hữu tình đối với việc này v.v... trở xuống là đại văn thứ sáu nói về rõ việc thế phước thông hay hạn cuộc, trong đó có bốn: Một là thế phước thông cuộc; hai là chứng minh ba đời có; ba là kiến lập ba đời; bốn là bác bỏ ba đời có. Hai bài tụng thứ nhất nói thế phước thông cuộc, trong đây ý nói rằng buộc ba đời, đối sự ràng buộc ba đời nói rằng buộc thông hay hạn cuộc. Nay nói về sự, sự ràng buộc này tùy miên tăng gọi là hệ, hoặc không tùy tăng thì không gọi là hệ. Tùy tăng kia chẳng cần hiện duyên, mặc dù quá khứ vị lai, nếu vị chưa dứt đều là tùy tăng, tùy tăng có hai: Một là tương ưng tùy tăng; hai là sở duyên tùy tăng.

Đối với vị chưa dứt, tất cả tùy miên tự tương ưng, không khác nhau đều tùy tăng, đối với tự sở duyên không khác nhau khắp tùy tăng, vì sở duyên cố định không thể nói đối với sở duyên có khắp không khắp, tuy các phiền não có tự tương, cộng tương, ý thức, năm thức, duyên cảnh rộng hẹp lực dụng khác nhau. Khắp tự sở duyên tương không khác nhau. Hoặc có thể ràng buộc tùy miên ba đời, đối với hệ kia tùy theo việc nào đó, biện ba đời hoặc ràng buộc, không ràng buộc, trong đó có khắp, không khắp khác nhau.

2. Nói về tự tướng hoặc và cộng tướng hoặc:

Có chỗ giải thích rộng, sợ rườm rà nên không trình bày. Hai hàng tụng này, một hàng rưỡi nói tự tướng hoặc, nửa hàng tụng sau nói cộng tướng hoặc. Ý theo văn trước ba câu trước nói tự tướng hoặc của sáu thức ở quá khứ hiện tại, ba câu sau phân biệt ý và năm thức khác nhau ở vị lai. Đầu bài tụng chép hoặc trong việc này từ bảy chữ “Chưa dứt v.v...) thông suốt cho đến văn sau là nói rằng buộc thông cuộc, chắc

chấn là không dứt. Luận chép: Cho đến chảy đến môn sau, ở đây dù phân biệt chung tùy miên có hai, tức là giải thích kệ tụng hoặc đối với việc này chưa dứt bảy chữ, Luận chép: Nếu đối với việc này cho đến chắc chắn khắp khởi, là nói tự tướng hoặc của sáu thức ở quá khứ, hiện tại không giống nhau.

Luận chép: Hoặc đời vị lai cho đến đều hay trói buộc, đây là giải thích ý thức tương ứng tự tướng hoặc, cả ba tham, sân, mạn tuy ở vị lai khắp tự sở duyên thường hằng quyết định. Đối với vị chưa dứt thường ràng buộc sở duyên, phải nhờ thấy nghe mới hiện khởi được, nếu đối với ba đời chẳng chắc chắn biến hành. Luận Chánh Lý chép: Cả ba tham, sân, mạn là tự tướng hoặc như trước đã nói. Trong các Thánh giáo chỗ nào cũng thấy có văn chứng minh, lại như kinh nói: “Đức Phật bảo Y Đại Mẫu: Mắt ông đối với màu sắc nếu lúc không thấy, sắc kia có phải là duyên khởi tham đục hay không? Bạch Đại Đức không phải” cho đến nói rộng.

3. Dẫn kinh chứng minh:

Khế kinh nói Phật bảo Đại Mẫu: Ý ông nghĩ sao? tất cả các sắc chẳng phải ông hiện thấy, chẳng phải ông từng thấy, chẳng phải ông sẽ thấy, chẳng phải mong cầu thấy. Ông là nhân so sánh khởi đục, khởi tham, khởi thân, khởi ái phải không? Bạch Đại đức không phải, cho đến nói rộng. Như trên là văn luận vì tham, sân, mạn khởi không chắc chắn, trong việc này chỉ là đã sinh chưa dứt, tức ràng buộc việc này, nhưng trong đây có trói buộc ba đời, cũng được gọi là khắp ba đời. Tham v.v... quá khứ không thể trói buộc khắp ba đời tất cả pháp hữu lậu cùng tận, hiện tại tùy sở duyên rộng hẹp khác nhau đó, hễ khởi thì liền ràng buộc, dù có duyên chung pháp ba đời, cũng không có hiện tại tham v.v... năng duyên hết pháp hữu lậu trong ba đời.

Hoặc đời vị lai ý thức tương ứng tương riêng phiền não, nói theo loại chung thì duyên hết pháp hữu lậu trong ba đời, mặc dù đây không ràng buộc vì kia trói buộc, cũng chẳng phải không có chỉ trói buộc quá khứ và vị lai, như một loại tham chỉ trói buộc nhãn thức này tương ứng pháp tánh quyết định, thức này không sinh. Chẳng lẽ không chỉ duyên pháp vị lai, y theo đây cũng có duyên đời quá khứ, hiện tại cũng ràng buộc cả pháp trong ba đời. Quá khứ hiện tại nếu sinh chưa dứt, tức trói buộc hiện tại, quá khứ không có cảnh thấy nghe, không bị tất cả tham ở quá khứ hiện tại trói buộc. Vị lai năm thức cũng ràng buộc ba đời, giải thích năm thức tương ứng hoặc, nếu đã sinh liền buộc ý đồng với năm thức, nên chẳng nói riêng.

Ý thức tương ứng tham v.v... sinh và bất sinh đều chấp nhận pháp biến hành ba đời, năm thức tương ứng sinh chỉ có tự tại tiền, không sinh khắp ba đời, cho nên nói riêng. Không sinh khắp ba đời, đây là do năm thức y duyên phải đồng thời, sinh phải đồng thời, không sinh liền chấp nhận cảnh, tuy đời khác nhau, vì tánh nhất định ràng buộc, trong đó có hai hoặc khiến sở duyên trải qua ba đời, hoặc với một sở duyên khác nhau không chắc chắn. chia thành ba đời, nay chỉ cho việc hỏi đáp. Hỏi: Trong có một sắc này, có một sắc chỉ có việc này bất luận ba đời, tham trong ba đời có trói buộc không? Đáp thâm, sân, mạn ở quá khứ hiện tại, duyên việc này sinh chưa dứt liền trói buộc. Hoặc quá khứ hiện tại tham, sân, mạn duyên các pháp sinh, không trói buộc việc này, và tuy duyên một sắc sự sinh, bị đảo đối trị đoạn liền không trói buộc. Trói buộc có một loại nghĩa là đã sinh hai thứ không dứt, bất hệ đó là không duyên đây sinh và duyên đã dứt, có cả sáu thức. Tự tướng phiền não đều đồng, hoặc ở vị lai có khác nhau, ý thức tương ứng chắc chắn phược việc này, vị lai phải có nhiều loại tham, sở duyên định tánh ràng buộc. Do đó, vị lai sinh và bất sinh, đều có biến hành sinh và bất sinh, đều có trói buộc một sắc sự này.

Nếu nhãn thức tương ứng các thứ có thể sinh gọi là hệ tư thế, không gọi biến hành, các loại không sinh chắc chắn có một loại ràng buộc việc này, trong đồng sắc cảnh với một Sát-na, phải có chung riêng nhiều thức, trong nhiều thức chỉ có một loại sinh được, ngoài ra không sinh, không có trong một sắc sự ở quá khứ hiện tại. Không bị trói buộc bởi nhiều loại không sinh nhãn thức tương ứng tham ở vị lai, do đây bất sinh gọi là biến hành. Kiến, nghi, vô minh quá khứ, vị lai chắc chắn trói buộc một việc này, do hai đời này đều biến hành, với hiện khởi nếu duyên liền trói buộc, không duyên không trói buộc. Do luận Bà-sa trải qua sáu câu đặt câu hỏi đáp. Trong việc này có ái kiết hệ quá khứ, mà có ái kiết hệ vị lai không? Vị lai ái kiết hệ có thành ái kiết hệ quá khứ hay không? Ở đây đáp lẽ ra thuận câu trước, như vậy chỉ có ái kiết hệ quá khứ, hẳn là ái kiết hệ vị lai. Nên gọi là thuận câu trước trải qua sáu câu.

Trong mỗi câu đều có hai câu hỏi đáp. Ở đây giống câu trước nên gọi là thuận câu trước cũng gọi là câu trước. Câu thứ hai hỏi vừa có ái kiết hệ vị lai cũng là ái kiết hệ quá khứ phải không? Đáp nếu trước không sinh đã dứt thì không trói buộc. Ở đây nói dứt, không dứt hy vọng vị lai, chẳng phải các phẩm nói, ái có ba phẩm, một sắc sự này chấp nhận có ba phẩm ái. không duyên một sắc sự này sinh duyên các

việc sinh, duyên các sự khởi ba phẩm ái này, đều không trói buộc một sắc sự này. Hoặc trước không sinh không trói buộc, lý hợp chung cả ba phẩm, đời trước đã dứt không trói buộc. Là phẩm thượng, hoặc là phẩm trung trong ba phẩm hoặc , hoặc thượng trung nói chung, chắc chắn không phải phẩm hạ. Vì đã nói vị lai hệ, vì dứt hoặc phải ba đời đồng loại. Nếu dứt phẩm hạ ở đời quá khứ, vị lai ba phẩm đều đoạn, không thể nói có ái kiết hệ vị lai, lý chắc chắn như trên. Hoặc đời trước không dứt liền trói buộc, đây cũng thông cả ba phẩm, lý phải như thế.

4. Thuyết của luận Bà-sa:

Luận Bà-sa quyển năm mươi tám nói trải qua sáu câu hỏi, hoặc với sự này có ái kiết hệ quá khứ, cũng có vị lai chăng? Đáp: Đúng vậy, nếu có vị lai quá khứ phải chăng? Đáp hoặc đời trước chưa dứt liền trói buộc, hoặc đời trước chưa sinh, nếu sinh rồi dứt thì không trói buộc. Hỏi hoặc thời quá khứ ái kiết đã dứt, thì thời vị lai ái kiết cũng đã dứt, hoặc ái kiết thời quá khứ chưa dứt thì thời vị lai ái kiết cũng chưa dứt. Nay tại sao nói nếu đời trước chưa dứt thì trói buộc, hoặc trước chưa sinh, nếu sinh rồi dứt thì không trói buộc? Các Luận sư nước ngoài cho rằng nếu đời trước chưa dứt thì trói buộc nói ba phẩm kiết bậc trung. Hoặc trước chưa sinh thì không trói buộc, nói ba phẩm kiết bậc hạ, nếu sinh rồi dứt thì không trói buộc, nói ba phẩm kiết bậc hạ.

5. Thuyết của các Luận sư Ca-thấp-di-la:

Các Luận sư nước Ca-thấp-di-la cho rằng nếu đời trước chưa dứt thì trói buộc, nói chín phẩm kiết, hoặc trước chưa sinh thì không trói buộc, nói ba phẩm kiết sau, nếu sinh rồi đoạn thì không trói buộc, nói sáu phẩm kiết trước, như đã dứt sáu phẩm ái kiết trước, ở quá khứ, còn vị lai cũng vậy. Ba phẩm ái kiết sau tuy chưa dứt mà chưa sinh, ở vị lai bị trói buộc chẳng phải quá khứ. Ý trong đây nói hoặc với sự này có ái kiết vị lai chưa dứt, cũng có ái kiết ở đời trước chưa dứt. Đối với việc này cũng có ái kiết hệ ở quá khứ, hoặc với sự này tuy có ái kiết đời vị lai chưa dứt, mà trước với ái kiết này chưa sinh, mặc dù ngoài ra lại sinh nhưng với ở đây cũng gọi là chưa sinh.

Nếu sinh rồi dứt nghĩa là không có ái kiết trói buộc ở quá khứ, trên đây là câu thứ nhất, lý thật phẩm số nên như trước nói. Nhưng luận Bà-sa nếu sinh chưa dứt thì trói buộc nói chín phẩm, là nói theo cụ phước mà nói. Hoặc trước bất sinh thì không trói buộc và sinh đã dứt thì không trói buộc, đều y theo dứt sáu phẩm, tức là quả Nhất lai. Ở đây y theo có ràng buộc nên chẳng phải quả Bất hoàn, ở đâu cho rằng sinh ở chỗ khác gọi là bất hệ, chẳng phải đã dứt, dứt nên chẳng còn trói buộc. Nếu trước

chưa sinh thì không trói buộc là nói ba phẩm sau y theo quả Nhất lai nếu sinh rồi dứt thì không trói buộc, nói sáu phẩm trước cũng là Nhất lai, nên suy nghĩ lại.

Nếu với việc này có ái kiết hệ quá khứ thì ra trước có chăng? Đáp hoặc hiện ra trước, nếu có ở hiện tại lại có ở quá khứ, hoặc đời trước chưa dứt, hoặc với việc này có vị lai ái kiết hệ cũng có hiện tại? Đáp hoặc hiện ra trước, hỏi: Nếu ở hiện tại thì có ở vị lai không? Đáp: Có hoặc với việc này có ái kiết hệ quá khứ, cũng có ở vị lai hiện tại không? Đáp vị lai phải trói buộc, hiện tại hoặc hiện ra trước. Nếu có ở vị lai, hiện tại, thì có ở quá khứ chăng? Đáp hoặc đời trước chưa dứt v.v... như trên là câu thứ tư. Nếu với việc này có ái kiết hệ vị lai, thì quá khứ hiện tại có chăng? Đáp trong đây có bốn trường hợp, tùy theo sự thích ứng. Nếu có ở quá khứ hiện tại, thì có vị lai chăng? Đáp: Có như trên là câu thứ năm. Nếu với việc này có ái kiết hệ hiện tại, thì quá khứ, vị lai có hay không? Đáp vị lai phải trói buộc, quá khứ nếu đời trước chưa dứt, nếu quá khứ vị lai, thì hiện tại có chăng? Đáp hoặc hiện ra trước, như trên là câu thứ sáu, như ái kiết trải qua sáu lần nên biết.

Nhuế, mạn, tật, san chẳng phải khắp thành vô minh qua sáu kiết cũng như vậy. Mê tự tướng kiết nghĩa tương tự, như thấy trải qua sáu lần nên biết, chấp nghi v.v... qua sáu lần cũng vậy. Vì mê cộng tướng kiết thô tương tự, tuy có rộng hẹp mà cũng giống nhau. Hoặc với việc này có ái kiết quá khứ, cũng có nhuế kiết hệ quá khứ? Đáp nếu đời trước chưa dứt thì trói buộc, nếu có nhuế kiết hệ quá khứ thì quá khứ có ái kiết hệ. Hoặc với việc này có ái kiết hệ quá khứ cũng có nhuế kiết hệ vị lai. Mặc dù có vị lai nhuế kiết hệ lại có ái kiết hệ quá khứ. Hoặc với việc này có ái kiết hệ quá khứ, cũng có nhuế kiết hệ hiện tại, mặc dù có ái kiết hệ hiện tại lại có ái kiết hệ quá khứ. Như trên là trường hợp thứ sáu.

Hoặc với việc này có ái kiết hệ quá khứ, thì có ái kiết hệ quá khứ, hiện tại hay không? Giả sử có ái kiết hệ quá khứ hiện tại, thì có ái kiết hệ quá khứ hay không? Đây là trường hợp thứ ba.

Hoặc với việc này có ái kiết hệ quá khứ, thì nhuế kiết hệ vị lai hiện tại, có hay không? Đáp: Ở đây có bốn trường hợp. Nếu có nhuế kiết hệ vị lai, hiện tại thì có ái kiết hệ quá khứ có hay không? Như trên là trường hợp thứ tư.

Hoặc với việc này có quá khứ ái kiết, thì có vị lai, nhuế kiết hiện tại hay không? Đáp: Ở đây có ba câu: Nếu có nhuế kiết quá khứ vị lai, thì có ái kiết hệ quá khứ hay không? Như trên là câu thứ năm. Đáp:

Trong đây có ba trường hợp .

6. Nếu ra ba trường hợp:

Hoặc với việc này có ái kiết hệ quá khứ, thì có ái kiết hệ quá khứ vị lai hay không? Đáp: Trong đây có ba câu. Nếu có ái kiết hệ quá khứ vị lai, thì có ái kiết hệ quá khứ hay không? Như trên là trường hợp thứ sáu. Nếu đối với việc này có ái kiết hệ ở quá khứ thì quá khứ, vị lai, hiện tại có nhuế kiết hệ hay không? Đáp : Ở đây có năm trường hợp u, nếu có nhuế kiết hệ ở quá khứ, vị lai, hiện tại thì nhuế kiết hệ ở quá khứ hay không? Như trên là trường hợp thứ bảy. Như đối với nhuế kiết hệ, đối tạt san kiết cũng vậy, do ái đối kia tạo thành bảy câu nhỏ, như bảy tiểu bảy đại cũng vậy. lại khác do hai đối một, cho đến lấy tám đối một, nghĩa là dùng ái kiết nhuế kiết quá khứ. Trước đối mạn kiết quá khứ kế đối vị lai, đối hiện tại, đối quá khứ hiện tại, đối với vị lai hiện tại, đối quá khứ vị lai, lại đối quá khứ vị lai hiện tại.

Hỏi một hàng trải qua sáu, bảy tiểu, bảy đại, có gì khác nhau? Đáp: lại dùng pháp không tương tự đối pháp không tương tự, là hỏi đáp, không dùng định thế gian nên gọi một hàng, dùng pháp tương tự đối với pháp tương tự là hỏi đáp, do định thế gian nên gọi là trải qua sáu. Dùng pháp bất tương tự đối pháp bất tương tự là hỏi đáp, do định thế gian dùng một đối một nên gọi là bảy tiểu. Dùng pháp bất tương tự đối pháp bất tương tự là hỏi đáp, do định thế gian dùng hai đối một. Cho đến dùng tám đối một nên gọi bảy đại (lớn) đó là sự khác nhau.

Nếu cộng tướng hoặc thì khác nhau câu trả lời, vừa có kiến kiết hệ quá khứ thì cũng là vị lai, phải không? Đáp: Đúng vậy. Vừa có kiến kiết hệ ở vị lai thì cũng có ở quá khứ, phải không? Đáp: Đúng vậy. Đây là dùng đẳng hỏi đẳng, thuật lại câu đáp. Hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại đối quá khứ vị lai định trói buộc, hiện tại nếu sinh liền trói buộc. Luận chép: Ngoài ra tất cả cho đến có thể trói buộc việc này, đây là giải thích cộng tướng hoặc. Kiến nghị vô minh, vô minh là bất cộng vô minh, tương ứng vô minh như đã nói sở tương ứng, Kiến, nghi này ở quá khứ, vị lai đều trói buộc khắp ba đời, hiện tại bất định. do quá khứ vị lai đều là biến hành, vì biến hành ba đời, nay lại trình bày chung, ý thức tương ứng tham vị lai v.v... Hoặc sinh bất sinh đều là biến hành, vì biến khắp ba đời, quá khứ hiện tại bất định, năm thức tương ứng tham v.v... chỉ có vị lai bất sinh là biến hành, trùm khắp ba đời. Quá khứ, hiện tại và sinh chắc chắn chẳng phải biến hành, cộng tướng phiền não. Quá khứ vị lai đều là biến hành, vì biến khắp ba đời, hiện tại bất định đều không đối trị cảnh tự sở duyên nên nói khắp, không khắp. Luận chép: Lẽ ra nói

về các việc cho đến lý hệ, là kinh bộ hỏi, nếu có quá khứ vị lai liền hợp thành thường. Nếu Quá khứ vị lai không có thì không thể nói hệ và bất hệ, sư Tỳ-bà-sa cho đến các tướng hợp, là nói về tông Hữu Bộ. Lập tông là quá khứ vị lai có mà chẳng phải thường, lập tông là do hợp với các tướng hữu vi. Lập nhân: Luận chép: vì ở đây lập ra quyết định thêm sáng, dưới đây một bài tụng là thứ hai dẫn giáo lý để chứng minh ba đời là có. Luận chép: Ba đời có thật đây lập tông Luận chép: Vì sao? Là hỏi về giáo lý vì trong Khế kinh Đức Thế Tôn nói, là dẫn giáo đáp. Luận chép: Là Đức Thế Tôn nói cho đến siêng tu nhằm xả, là dẫn kinh thứ nhất chứng minh quá khứ là có.

7. Dẫn kinh chứng minh:

Luận chép: nếu sắc vị lai cho đến siêng đoạn thích câu, là dẫn kinh chứng minh vị lai là có. Luận chép: Lại đủ hai duyên cho đến lẽ ra thiếu hai, duyên là dẫn kinh chứng minh lần thứ hai. Nếu quá khứ, vị lai là không thì duyên thức quá khứ, vị lai nên thiếu duyên sở duyên, trái với kinh nói hai duyên của thức sinh. Đã y Thánh giáo chứng minh có quá khứ vị lai kiết trước khởi sau, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Do lúc thức khởi, cho đến thức lẽ ra cũng không, đây là lý thứ nhất. Luận chép:

Lại đã dứt nghiệp cho đến có nhân hiện tại, là lý thứ hai. Luận chép: Nhờ giáo lý này cho đến hai đời thật có, tổng kết tự tông. Xét theo Tát-bà-da thì quá khứ thể tánh là có không giống cái có của hiện tại, quá khứ vị lai thể là không. Chẳng giống như không của lông rùa sừng thỏ.

Hoặc đồng hiện tại, lẽ ra chẳng phải quá khứ, vị lai, nếu như lông rùa sừng thỏ, thì không thể làm cảnh sinh tâm. Theo Luận Chánh Lý thì lập quá khứ, vị lai chẳng như hiện có, cũng chẳng phải như cái không của sừng ngựa kia. Vì cảnh sinh giác xúc là tướng thật có thí dụ luận nói, vì vòng lửa xoay lúc hai giác sinh cảnh chẳng có. Hoặc tất cả giác đều có sở duyên, thế thì lẽ ra có thắng giải tác ý, lại các thế gian, cảnh thức như trong chiêm bao, nhậm mắt, mặt trăng thứ hai v.v... là chẳng thật có.

Luận Chánh Lý chống chế rằng: Luân chuyển giác sinh chẳng phải hoàn toàn không có cảnh, tức sắc màu của lửa càng nhanh tạo thành vòng tròn sinh ra cảnh này nhưng thể sắc tăng của lửa thật ra chẳng phải vòng tròn, mà lúc giác sinh cho là vòng tròn. Giác đối với cảnh hành tướng điên đảo, chẳng phải vòng giác duyên không cảnh này sinh, ngã giác cũng thế, y theo đây để giải thích. Vì ngã duyên các uẩn như sắc... làm cảnh chỉ có hành tướng chẳng phải ngã cho là ngã điên đảo mà sinh, chẳng phải sở duyên cũng có điên đảo. Thắng giải

tác ý dựa vào đây nên sinh khởi, nghĩa là sư Du-già thấy ít tướng rồi từ năng lực thắng giải trong sở kiến khởi hữu hành rộng sinh giác như thế. Giác này liền duyên các uẩn làm cảnh. Người trụ không nhân nói rằng: Tướng sinh như thế là quả thắng định, nghĩa là thắng định lực ở trong định vị dẫn sinh tướng rộng lớn. Như biến hóa mộng duyên quá khứ từng là cảnh, như người chiêm bao thấy thổ có sừng từng ở chỗ khác. Thấy thổ thấy sừng nay ở trong mộng do tâm mê muội điên đảo cho là một chỗ hòa hợp suy tìm nhớ nghĩ. Do nhãn căn bị bệnh nhậm chấp cảnh không sáng rõ, nên trong cảnh khởi hiểu điên đảo.

Hành tướng tuy điên đảo, cảnh có thật chẳng phải vô, do người bị nhậm mắt có sắc xứ thấy nhiều màu, chẳng phải hoàn toàn Vô Sắc, thời lẽ ra không có cõi Sắc xứ kiến, cho rằng nhãn thức sinh chỉ thấy một mặt trắng, do căn biến khác phát thức không rõ ràng, mê loạn giác sinh cho là có nhiều mặt trắng, chẳng phải là giác duyên này thì không có sinh, bèn lấy vàng trắng làm cảnh sở duyên. nếu không như thế thì chẳng có chỗ để thấy, đã không có chỗ mặt trắng thì thức này không sinh, do đó bèn duyên vàng trắng làm cảnh. Lại có lập tông để phá chấp, e rườm rà nên không trình bày.

8. Phân biệt với tông khác:

Luận chép: Hoặc tự cho là cho đến chẳng thuộc luận này, là phân biệt tông khác, phân biệt thuyết bộ nói nghĩa có là có chẳng đúng, vì phải phân biệt gọi là Phân Biệt Thuyết bộ. Luận Bà-sa bản dịch xưa chép: Dịch Tỳ-bà-sa-đề là sai, tân dịch Bà-sa là Tỳ-bà-xà phược địa. Tỳ-bà, Hán dịch là phân biệt, phược địa dịch thuyết, luận Tông Luân nói Ấn Quang bộ chấp: Nếu nghiệp quả đã thuần thực thì không có, quả chưa thuần thực thì có, chấp kia đồng với Phân Biệt Thuyết bộ.

Luận chép: Có bao nhiêu khác nhau trong bộ này, trở xuống một bài tụng là thứ ba kiến lập ba đời. Luận chép: Cho đến chẳng phải thể có khác, đây là nêu giải thích của pháp cứu, là pháp ba đời, thể không khác nhau nhưng loại có khác. Luận chép: Như phá kim khí, cho đến chẳng xả hiển sắc, là nêu thí dụ hiển bày. Luận chép: Các pháp như thế cho đến chẳng xả đắc thể, đây là hợp pháp, như vàng là đồng nhất, sửa bình thành bốn, bỏ bình được bốn, chẳng được xả vàng. Tôn-giả Diệu Âm nói lia tướng quá khứ, vị lai, ý nói chấp thứ hai, ý Diệu Âm nói các pháp hữu vi có ba thứ tướng đó là quá khứ, hiện tại, vị lai. Chánh cùng nhất hợp, hai không gọi lia, từ hợp được tên, không theo không lia. Luận chép: Như người chánh nhiễm, cho đến không gọi lia nhiễm là nêu dụ để làm rõ.

Luận chép: Tôn-giả Thế Hữu cho rằng chẳng phải thể có khác đây là nói chấp thứ ba, ý vị Luận sư này nói các pháp hữu vi có ba vị trí đó là pháp quá khứ hiện tại, vị lai thể thì đồng nhất, tùy vị trí mà tên gọi khác nhau. Luận chép: Như đi một ván bài cho đến để đặt ngàn gọi là ngàn, là nêu thí dụ để làm rõ. Luận chép: Tôn-giả Giác Thiên đặt tên có khác nhau, ở đây là nêu chấp thứ tư, ý Luận sư kia nói, đối đãi quá khứ hiện tại nên gọi là vị lai. Đối đãi hiện tại vị lai nên gọi là quá khứ, đối đãi quá khứ, vị lai gọi là hiện tại.

9. Nêu thí dụ để làm rõ:

Luận chép: Như một người nữ vừa gọi mẹ vừa gọi là con gái, nên thí dụ để rõ. Luận chép: Trong bốn thuyết Nhất Thiết hữu này trở xuống là Luận chủ phê bình. Luận chép: Thứ nhất là chấp pháp cho đến trong bè đảng ngoại đạo, là nêu ra sự thứ nhất đồng lỗi với ngoại đạo, thứ hai sở lập cho đến tướng ba đời, là nêu ra lỗi Luận sư, thứ hai cho đời là tạp loạn. Luận chép: Người đối với vợ con cho đến nghĩa nào là đồng, là lỗi nêu pháp dụ khác nhau, Luận chép: Thứ tư lập loại như vậy cho đến loại cũng nên như thế, là nêu lỗi chấp thứ tư.

Trong quá khứ có ba Sát-na trước sau, đối hai Sát-na trước nên gọi là vị lai, đối với hai sau thì gọi là quá khứ, đối với trước sau thì gọi hiện tại, hiện tại đối hai Sát-na trước lẽ ra gọi là vị lai. Đối hai niệm sau lẽ ra gọi quá khứ, đối niệm trước sau gọi là hiện tại, Vị lai loại tư. Luận chép: vì thế trong bốn thứ này, loại thứ ba là đúng nhất, lời bình chấp thứ ba. Luận chép: Y theo tác dụng cho đến chẳng phải thể có khác nhau, là nêu lý do thiện. Luận chép: Đã trình bày biết đầy đủ cho đến cái gì gọi là quá khứ vị lai, thứ tư là bác bỏ cái có của ba đời đây là, Kinh bộ vạn hỏi. Luận chép: Há không phải trước y theo tác dụng mà lập, là Hữu Bộ trả lời.

10. Kinh bộ vạn hỏi:

Nếu vậy hiện tại cho đến có tác dụng gì? Là Kinh bộ vạn hỏi. Luận chép: Kia chẳng lẽ không thể lấy quả cho quả: là Hữu Bộ trả lời tuy không có cùng thấy sắc v.v... mà có dụng lấy quả cho quả. Luận chép: Cho nên quá khứ cho đến thế tướng lẽ ra lẫn tạp là kinh bộ hỏi, ông cho rằng chấp quả cho quả là tác dụng, quá khứ đồng loại nhân dị thực. Chỉ có năng và quả không thể chấp quả, hiện tại nhân dị thực v.v... chỉ có công năng chấp quả không có công năng cho quả, đồng thời có nửa tác dụng, nửa không có tác dụng, nên gọi hiện tại, cũng gọi quá khứ, vị lai. Vì trong một đời có ba đời tạp loạn.

Chánh Lý chống chế rằng: Tông ta nói tác dụng nghĩa là lấy quả,

dụng của lấy quả chắc chắn ở hiện tại, các lực dụng khác đều là công năng. Tác dụng của tông ta có không lập ba đời, chẳng phải công năng, nay xét thấy nếu Chánh Lý giải thích như vậy thì có duyên đẳng gián hiện tại chấp quả lỗi trái luận Bà-sa, Luận chép: Đã gạn hỏi sơ lược, kế là bác bỏ rộng, dưới đây một bài tụng thứ tư là bác bỏ rộng, văn có bốn tiết: Một là phá tác dụng chia thành ba đời; hai là phá hợp với hữu vi; ba là dẫn chung hai kinh; bốn là phá hai lý. Luận chép: Cho đến lúc có lúc không giải thích ba chữ “đâu ngại dụng”. Nếu nói pháp tự thể hằng có, là nhắc lại chấp của Hữu Bộ, lẽ ra tất cả thời đều khởi tác dụng là gạn hỏi Hữu Bộ.

11. Hữu bộ gạn hỏi:

Ông chấp có tác dụng gọi là hiện tại, không tác dụng gọi là quá khứ, vị lai. Tác dụng dựa vào thể, thể đã hằng có thì dụng cũng như vậy, cái gì ngăn ngại tác dụng mà lúc có lúc không. Hoặc cho rằng các duyên chấp nhận thường có, nhắc lại chống chế là sai, các duyên hòa hợp thì có tác dụng, các duyên chưa hòa hợp thì không có tác dụng. do tác dụng này lúc có lúc không, điều chống chế này phi lý, các duyên này cũng chấp nhận thường có, do đâu mà có được hòa hợp có lúc không hòa hợp. Luận chép: Lại tác dụng này cho đến có tác dụng khác, là lại bác bỏ, hoặc có tác dụng gọi là hiện tại, không có gọi là quá khứ, Quá khứ, vị lai, hiện tại, nay do tác dụng gì, đây là giải thích ba chữ sau của câu trên trong bài tụng.

Sao gọi là Dụng? Chữ Dụng có hai hướng dùng, hướng thượng đâu có ngại dụng, hướng hạ dụng như thế nào. Luận chép: Nếu tác dụng này cho đến tác dụng là có chống chế. Luận chép: Cho nên pháp vô vi là quá khứ vị lai, ở đây bác bỏ chuyển sang chống chế. Hoặc tác dụng chẳng phải quá khứ vị lai, hiện tại mà được nói là có thì có hai lỗi một là đồng lỗi vô vi, hai là trái lỗi lập tông. Hoặc chấp nhận tác dụng có lỗi này. Hữu Bộ chống chế tức là giải thích hai chữ “Vô dị” của câu thứ hai trong bài tụng. Luận chép: Nếu vậy sở lập cho đến nghĩa thể không thành, là bác bỏ, là giải thích ba chữ sau câu thứ hai trong bài tụng, thể liền hoại. Vì sao không thành, là Hữu Bộ hỏi ngược lại? Luận chép: Do pháp hữu vi cho đến gọi là quá khứ, nêu ra lý do ba đời không thành. Luận chép: Kia lại cho rằng cho đến tên gọi đã diệt, là giải thích câu thứ ba trong bài tụng.

12. Tổng kết:

Hoặc cho rằng pháp thể như hiện tại có, trước vì sao thiếu, kia chưa có nên gọi chưa đã sinh, sau lại thiếu sao kia đã không nên gọi là

đã diệt. Luận chép: Cho nên không chấp nhận pháp cho đến đều không thành, đây là tổng kết. Trên đây là bác bỏ y theo tác dụng chia ra ba đời, nhưng luận kia nói lý sinh diệt là không. Thứ hai là phá tướng hữu vi hợp. Luận chép: Chấp nhận thể hằng có cho đến không hề có, là bác bỏ, y theo nghĩa như thế cho đến đây là tác dụng chân thật tự tại, dẫn bài tụng để bác bỏ. Trong văn có ba một là lý sinh diệt là vô để phá. Dù hợp với tướng, thể thường có nên lý sinh diệt là không, hai là bác bỏ ánh, thể không khác, thể tánh không khác, vì thể thường tánh vô thường chưa từng có, ba là tổng kết bài tụng, lời văn rất dễ hiểu.

13. Dẫn cả hai kinh:

Luận chép: Lại kia nói cho đến như hiện thật có, đây là thứ ba dẫn chung hai kinh, trong đó có hai một là giải thích Thế Tôn nói có quá khứ, vị lai, hai là giải thích Thế Tôn nói chung hai duyên sinh thức. Đây là phần đầu Luận sư Kinh bộ nói: Chúng ta cũng nói có quá khứ, hiện tại, vị lai nghĩa là từng có v.v... đồng gọi là có. Quá khứ có nhân, vị lai, có quả, nên gọi là có, lại giải thích hiện có quả nên biết quá khứ có nhân, hiện tại có nhân nên biết vị lai có quả. Khác nhau với Hữu Bộ nói quá khứ, vị lai như hiện tại thật có. Luận chép: Ai nói kia có như đời hiện tại, Hữu Bộ không chấp nhận. Hữu Bộ hỏi ngược lại chẳng phải như hiện tại kia có thể nào? Kia có tự tánh hai đời quá khứ, vị lai Hữu Bộ trả lời, Luận chép: Đây lại vặn hỏi cho đến tánh quá khứ vị lai. Nếu ba đời đều có, làm sao có thể nói không phải hiện tại là tánh quá khứ vị lai. Là Kinh bộ bác bỏ hữu bộ vì thế nói kia có chẳng phải thể thật có, kinh bộ nêu tự tông chẳng phải Hữu Bộ.

Đức Thế Tôn vì ngăn cho đến pháp có không, Kinh bộ nói về kinh thật là vô mà ý nói có. Có âm thanh chung hiển bày, pháp hữu vô. Luận chép: Như thế gian nói cho đến nghĩa kia cũng thế, là dụ phù hợp. Như thế gian nói ngọn đèn hôm trước không có, có ngọn đèn hôm sau không có, lúc nói có đèn là không, chẳng lẽ có đèn hay sao. Bấy giờ không có đèn mà nói có đèn, nên biết có âm thanh chẳng phải chỉ nói hữu pháp. Có đèn đã tắt cũng y theo đây nói đã tắt tức là không có đèn mà nói có đèn, nên biết đối với không nói có. Luận chép: Nếu vậy tánh quá khứ vị lai không thành. Sư Kinh bộ nói: Hoặc không giống như ta nói có từng có gọi là có sẽ có gọi là có như Hữu Bộ lập ba đời có thể, tánh quá khứ, vị lai không thành vì đồng có tự thể.

14. Hữu bộ dẫn kinh vặn hỏi:

Luận chép: Nếu thế vì sao cho đến mà vẫn là có, là Hữu Bộ dẫn kinh vặn hỏi, hoặc cho rằng quá khứ vị lai hoàn toàn không có tự thể, vì

sao Đức Thế Tôn nói nghiệp quá khứ mà vẫn là có, nên biết quá khứ vị lai chẳng phải là không? Luận chép: Há kia không chấp nhận cho đến mật thuyết là có, Kinh bộ giải thích kinh, thời gian gây ra nghiệp ở quá khứ, trong lúc huân tập nối nhau có công năng cho quả, trong thân hiện tại thậm nói đã thành năng huân là có. Luận chép: Nếu không như thế cho đến quá khứ đâu có thành, Kinh bộ vặn hỏi là Hữu Bộ, nếu nghiệp quá khứ đối với hiện tại thật có tánh, thì quá khứ đâu có thành, lẽ ra gọi là hiện tại. Luận chép: Lý hẳn như vậy cho đến vốn khác nhau lời nói, là Kinh bộ dẫn thẳng nghĩa mà không kinh đã nói.

Nếu quá khứ vị lai nhãn căn có thật tánh, kinh chẳng nên nói xưa không nay có, có rồi hoàn không, hoặc cho rằng lời nói này chỉ nghĩa đã thành lập, Kinh bộ ngược lại phá Hữu Bộ giải thích kinh. Hữu Bộ giải thích rằng: Vốn không là vốn không có hiện nay có hiện tại, xưa có nay không là vốn có hiện tại nay không có hiện tại, chống chế như thế, đó là phi lý. Do tánh hiện tại không khác với thể nhãn căn kia. Nếu không có tánh hiện tại thì không có nhãn căn, đây là nói không có thể của nhãn căn quá khứ, vị lai nghĩa đã thành lập. Lại luận kia nói cho đến thật thể có, là nhắc lại Hữu Bộ dẫn kinh thứ hai giải thích. Luận chép: Lẽ ra cùng tầm tư cho đến làm cảnh sở duyên, Kinh bộ hai lần gạn Hữu Bộ. Nếu pháp như ý cho đến lẽ ra không phải Chánh Lý, là phá trước như ý tác năng sinh duyên. Như khi thức duyên vị lai trăm ngàn kiếp sau sẽ có pháp kia, hoặc cũng sẽ là không, kia chưa có tác dụng, làm sao sinh thức hiện tại được. Lại tánh Niết-bàn trái với tất cả pháp hữu lậu sinh, làm sao làm duyên sinh thức năng duyên. Nếu pháp chỗ có thể cho đến cũng là sở duyên, đây là nói sự liên quan thứ hai đồng với Kinh bộ. Nếu không thì làm sao thành cảnh sở duyên, là Hữu Bộ vặn hỏi, quá khứ, vị lai theo tông Kinh bộ của ông đã nói không có, làm sao thành cảnh sở duyên của thức? Ta nói kia có như thành sở duyên, là Kinh bộ trả lời, duyên cảnh quá khứ, vị lai như duyên hiện tại thành sở duyên, làm sao thành sở duyên, Hữu Bộ chưa trả lời được ý hỏi lại, hoặc là vặn hỏi quá khứ, vị lai đã không có làm sao thành sở duyên.

Luận chép: Cho rằng từng có, sẽ có cho đến sẽ có cũng vậy, là Kinh bộ giải thích vặn hỏi, nếu cho là quá khứ, vị lai đều hiện có, thì làm sao nhớ thời gian ấy, chỉ nhớ tướng từng có nghịch quán cũng thế. Luận chép: Như từng hiện tại cho đến vị lai là có, là lại giải thích rộng. Luận chép: Nếu như hiện có cho đến lý ấy tự thành, là Kinh bộ tấn thối trách Hữu Bộ, hoặc cho rằng quá khứ vị lai như hiện có, lẽ ra thành hiện đời. Nếu thể hiện tại là không, thì chẳng đồng với hiện tại, lẽ ra chấp

nhận có duyên không cảnh thức, lý kia tự thành, hoặc là quá khứ, vị lai cho đến chẳng tán loạn, là Kinh bộ nhắc lại phá chuyển chấp của Hữu Bộ. Hoặc là quá khứ, vị lai đồng hiện tại là có, nhưng hiện tại sắc cực vi nhóm hợp, vị lai, quá khứ cực vi tán loạn khác nhau với hiện tại, gọi là quá khứ, vị lai. Lúc ông duyên sắc quá khứ, vị lai không có sự tụ tán, nên biết chẳng phải tụ tán có khác, hoặc sắc kia cho đến nói rộng, là Kinh bộ nói về cách phá chuyển chấp của Hữu Bộ. Lại nếu sắc quá khứ vị lai đồng hiện tại có, chỉ có cực vi tán loạn là khác. Tức là sắc cực vi không tụ tán, cho nên là thường, lại sắc chỉ là cực vi tụ tán cuối cùng không có chút phân biệt gọi là sinh diệt. Cho nên tôn sùng mạng giả luận cả ba đồng là lỗi của ngoại đạo, trái bỏ Đức Thiện Thệ cho đến nói rộng bốn lỗi trái với kinh. Luận chép: Lại chẳng phải thọ v.v... Cho đến lúc đã sinh, thọ v.v... không thành lỗi ba đời.

15. Kinh bộ hai lần gạn hỏi:

Luận chép: Nếu hiện có cho đến lý cũng tự thành, là Kinh bộ hai lần gạn hỏi. Nếu thể hoàn toàn không cho đến lẽ ra là sở duyên, tức Hữu Bộ vặn hỏi ngược lại Kinh bộ, hoặc theo quá khứ vị lai hoàn toàn không có thể tanh vẫn là sở duyên. Xứ thứ mười ba, giới thứ mười chín v.v... thức năng duyên này lấy gì làm sở duyên. Luận chép: Các hữu đạt vô cho đến làm sở duyên gì? Là Kinh bộ vặn hỏi lại Hữu Bộ. Nếu cho rằng xứ thứ mười ba là không, chẳng phải cảnh sở duyên, hiểu rõ không có xứ thứ mười ba, nếu chẳng duyên với vô thì lấy gì làm sở duyên. Luận chép: Nếu cho là duyên thì kia gọi vô, là phá chuyển chấp của Hữu Bộ. Nếu chỉ duyên mười ba xứ gọi là cảnh, mười ba xứ gọi là có, nay nói không, đây là bác bỏ luận kia gọi là không, chẳng xứng đáng.

Luận chép: Hoặc lại duyên âm thanh cho đến lấy gì làm sở duyên, là kinh bộ gạn lại Hữu Bộ, Luận chép: Nếu cho là duyên cho đến lại phát âm thanh, là trách lần thứ nhất. Hoặc cho rằng âm thanh không có cho đến tại sao cho là không, là trách lần thứ hai, hoặc cho là quá khứ, vị lai cho đến thể đó là một, là trách lần thứ ba. Hoặc có chút phần cho đến cảnh có chẳng có, là tổng kết thành nghĩa Kinh bộ, nhưng Bồ-tát nói cho đến không phải xứ là, kinh bộ giải thích kinh. Hữu Bộ hỏi rằng: Nếu chấp nhận duyên không thể sinh thức, vì sao Bồ-tát nói thế gian là không, ngã tri ngã kiến không có việc đó, Bồ-tát đã nói thế gian là không, tức là không có pháp ngã tri ngã kiến là không có việc ấy, là pháp tri kiến vô, không có việc ấy.

16. Chánh giải thích kinh:

Luận chép: Ý nói người khác cho đến mới quán là có, đây là chánh giải thích kinh, ý nói người khác hoại tăng thượng, mạn, cũng đối với chẳng có vọng chấp tướng hiện có cho là có, đây là thế gian không, mà nói thấy biết ngã đối với có mới quán là có, chỉ đối với có biết có, không quán chẳng có, do vậy nói thế gian không có ngã tri ngã kiến không có việc ấy.

Luận chép: Nếu khác đây cho đến hoặc có khác nhau, kinh bộ nêu ra khác với chấp của Kinh bộ, hoặc chấp nhận lỗi có duyên vô thức, hoặc tất cả giác đều có sở duyên đã gọi là cảnh trí, vì sao được gọi là có là không do dự bất định, hoặc nói là sắc, phi sắc khác nhau. Lý hẳn như thế cho đến vô thượng là vô thượng, Kinh bộ lại dẫn kinh ấn chứng thành, kinh đã nói nên biết có là có, phi hữu là phi hữu, nên biết phi hữu cũng là thức cảnh. Như trên giải thích hai kinh đã xong, dưới đây là phá hai lý. Luận chép: Do kia đây nói cho đến cũng không thành loại nhân, là bác bỏ lý thứ nhất. Lại luận kia đã nói cho đến lý cũng không đúng, kinh bộ phá lý thứ hai là sai. Như Hữu Bộ chấp nghiệp hiện tại chấp quả, lạc tạ đời quá khứ cho quả, hoặc nghiệp quá khứ là vô, thì ai năng cho quả, chẳng phải sư kinh bộ cho đến sẽ hiển bày rộng. Nói về chấp của Kinh bộ khác với Hữu Bộ, Kinh bộ khác nhau với chấp của Hữu Bộ, nghiệp quá khứ năng sinh đúng quả, Kinh bộ tông chấp lúc nghiệp hiện tại, nghiệp là trước tiên.

Dẫn hạt giống khác nhau chuyển biến trong thân nối tiếp khiến sinh đúng quả, hạt giống hiện tại là có, nghiệp là từng có, quả sẽ có. Luận chép: nếu chấp thật có quá khứ vị lai, là nhắc lại chấp của Hữu Bộ nêu ra lỗi không thành nhân quả. Luận chép: Cho nên tất cả thời cho đến có công đức gì, là lỗi vô dụng của nghiệp thứ nhất. Luận chép: Nếu cho rằng năng sinh cho đến thì lý kia tự thành, là lỗi thứ hai trái tự tông, hoặc tất cả pháp năng sinh ra công năng, là lỗi thứ ba không có công dụng nhân. Lại nên hiển thành cho đến sẽ bất diệt, là lỗi thứ tư đồng với ngoại đạo. Nếu cho rằng năng làm cho quả thành hiện tại, là nhắc lại chống chế, chống chế rằng: mặc dù tất cả pháp, tất cả thời có nhưng chẳng phải tất cả pháp tất cả thời hiện tại, khiến cho pháp hiện tại là tác dụng của nhân. Làm sao khiến cho quả thành hiện tại? Kinh bộ lại hỏi Hữu Bộ, hoặc là dẫn khiến cho đến các nơi chốn, là nhắc lại chấp. Thì dẫn quả lẽ ra thể kia là thường, là lỗi thứ nhất, lại pháp Vô Sắc làm sao dẫn được là lỗi thứ hai, sở dẫn này lẽ ra thể nó vốn không có là lỗi thứ ba hoặc là khiến cho kia cho đến lý là tự thành, lỗi thứ tư mất tông. Trên đây là các câu hỏi vặn hỏi. Trong Luận Chánh Lý đều

có chống chế, sợ rườm rà không kể ra. Do đó ở đây nói cho đến chẳng phải khéo nói, tổng kết Hữu Bộ là sai. Luận chép: Nếu muốn khéo nói cho đến sở thuyết mà nói, là chỉ bày tương khéo nói. Kinh nói thế nào, là Hữu Bộ hỏi, như Khế kinh nói cho đến mà nói có lời là Kinh bộ dẫn kinh để trả lời. Hoặc quá khứ vị lai là không, cho đến và ly hệ chẳng? Là Hữu Bộ vặn hỏi? Kinh nói quá khứ, vị lai có năng hệ, sở hệ, tại sao nói không, nhân sở sinh kia được gọi là lý hệ, là kinh bộ trả lời. Ở quá khứ huân tập phiền não nối tiếp có hạt giống kia, thì hạt giống ấy là quả quá khứ nhân đời vị lai. Có quả kia nên nói có quá khứ, có nhân kia nên nói có vị lai, năng hệ phiền não, năng duyên quá khứ, vị lai phiền não có nên nói có quá khứ vị lai, chẳng thật có tự thể, sở trói buộc sự đoạn hạt giống tùy miên nên được gọi là ly hệ, tuy không có quá khứ vị lai mà có phiền não quá khứ vị lai và sự sở duyên gọi là tạp nhiễm.

17. Luận chủ bác bỏ:

Luận chép: Sư Tỳ-bà-sa bèn bác bỏ là không, là Luận chủ trước bác bỏ Hữu Bộ thuyết sau tồn tại, vì có dị môn cho đến nhiều Sát-na. Ở đây nói ý giáo rất sâu xa tùy dị môn kia đặt tên khác nhau. Có dị môn cho đến tức sắc diệt, lúc này ngay trong một pháp nói sinh nói diệt, có Dị môn nói cho đến đời hiện tại diệt, đây là nói pháp thể đồng thể gian phân biệt gọi là dị đời vị lai sanh, đời hiện tại diệt. Có dị môn cho đến thuộc về thế gian, ở đây nói, đó là tên chung. Pháp sanh có khác, gọi sanh là thế, là nêu tên chung, có dị môn nói cho đến nhiều Sát-na, ở đây nói vị lai nhiều niệm gọi chung là Thế, sinh chỉ là một nên nói trong thế có sinh, có giải thích rộng như luận Bà-sa quyển bảy mươi sáu.

Luận chép: Nói phụ đã xong v.v... trở xuống là thứ bảy của đại văn nói đoạn ly hệ nay lẽ ra tư trạch cho đến kia đã dứt chẳng? Là hỏi. Hoặc sự ly hệ cho đến đoạn phi ly hệ, là trả lời lược, sự ấy thế nào? là hỏi, Bài tụng đáp nên biết. Luận chép: Cho đến như thế nên biết. Trong đó có hai thứ. Một. thấy đạo khổ trí đã sinh tập khởi, chưa sinh thấy khổ thì dứt, và một quả đồng thời đắc tự tánh dứt chứng được vô vi, mà vì thấy tập thì dứt khắp thành tùy miên trói buộc, vẫn chưa ly hệ. Hai là tu đạo chín phẩm phiền não, tùy hạ trung đạo sinh, trong chín phẩm kiết và một quả đắc sự. Phẩm trước đã xả đắc ấy. Tự tánh dứt xong chứng được vô vi, mà thành phẩm hạ v.v... phiền não trói buộc, vẫn còn bị ràng buộc, nói chưa dứt hẳn: Là phân biệt với đã dứt.

Nếu có trước lia dục hoặc nhập thấy đạo, trong giai vị này tức không ràng buộc, năng duyên theo đây là phân biệt không duyên, nghĩa là duyên giới khác v.v... Chữ và Luận Chánh Lý giải thích: và âm thanh

gồm nói trước trước đã dứt sau sau chưa dứt, đều là nghĩa trói buộc. Luận chép: Sự gì có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, dưới đây là thứ tám của đại văn nói về hoặc nghiệp tùy tăng, trong đó có ba:

18. Nói về tùy tăng:

Một là nói về việc tùy tăng; hai là nói về thức đơn duyên; ba là nói về thức trùng duyên. Dưới đây sẽ nói về tùy tăng, trước là. Hoặc tùy sự phân biệt đáp bèn phí nhiều lời, dưới đây là nói pháp lược đáp, trước phân cảnh sở duyên có mười sáu tức ba cõi năm bộ là mười lăm lại thêm vô lậu có mười sáu khác nhau. Thức năng duyên mười sáu đó là ba cõi năm bộ vô lậu, ba hàng tụng sau đây nói về mười sáu thức đối mười sáu cảnh nhiều ít khác nhau, vì đều chấp nhận duyên, nói cõi Dục là thấy khổ, kiếp tập, tu thì dứt, đây đều có năm thức duyên đó là tự giới ba, tức pháp thấy khổ, thấy tập tu thì dứt, thấy khổ, tập khắp hành năng duyên bộ khác. Tu đạo thiện tâm hữu lậu vì năng duyên bộ khác, diệt đạo thì dứt chỉ duyên tự bộ, cho nên không thể duyên.

Nếu ở cõi Sắc tu thiện tâm thì dứt và tâm vô lậu, vì đều là duyên pháp hữu lậu ở cõi Dục, vì cõi Vô Sắc thiện không duyên cõi Dục. Tất cả tâm nhiễm không có hạ duyên, do đó cõi Dục ba pháp thấy khổ, thấy tập, tu thì dứt chỉ có năm thức duyên. Hoặc cõi Sắc hệ đều cho duyên, cõi Sắc ba thứ chỉ tám thức duyên, làm ba thứ duyên ở cõi Dục, đó là khổ, tập, đoạn có chín duyên cõi trên. Tu dứt thiện hữu lậu có thể là thượng duyên lời văn trước rất dễ hiểu, tổng cộng có sáu thứ, cõi Vô Sắc không xứ, đạo Vô Gián tu dứt thiện tâm, vì duyên chung bốn thiện, vô lậu khổ tập loại nhãn trí v.v... đều là năng duyên vì bốn đoạn cõi Vô Sắc không duyên hạ, diệt đạo thì dứt duyên tự bộ, do đó chỉ có tám thức duyên.

Luận chép: Hoặc Vô Sắc hệ cho đến đều chấp nhận duyên y theo văn trước cõi Sắc thêm Vô Sắc khổ tập sở đoạn do đây thành mười, nói cho duyên là đây chấp nhận có bất duyên, chẳng quyết định duyên. Luận chép; thấy diệt thấy đạo cho đến mười một thức duyên, trở xuống là nói ba cõi thấy diệt đạo thì dứt. Nếu cõi Dục có sáu thức cho đến mười một thức duyên, đều tăng tự thức, không tăng hai, vì diệt, đạo thì dứt không duyên lẫn nhau, luận chép: Hoặc pháp vô lậu cho đến đều chấp nhận duyên, trong ba cõi đều có ba thứ sau. vô lậu thứ mười, thấy diệt đạo vô lậu duyên tùy miên, đều duyên pháp tự đế vô lậu. Tu dứt tâm thiện, duyên chung hai đế diệt đạo và chẳng phải pháp đế vô lậu. Tâm Vô lậu duyên chung hai đế pháp diệt đạo vô lậu, không duyên phi đế, do đó mười tâm này đều duyên cả vô lậu, trong mười thứ này cũng

có không duyên nên gọi là chấp nhận.

19. Nói lại nghĩa trước:

Vì thuộc nghĩa trước có thể thành mười thức cảnh, hai hàng tụng nói lại nghĩa trước, lời văn rất dễ hiểu, như vậy biết rõ cho đến lược chỉ bày phương cách, dưới đây là nói về hệ sự tùy miên nhiều ít. Vả lại có câu hỏi vô lậu thứ bảy y theo đây có lạc căn tác pháp trong hai mươi hai căn. Trong Bà-sa của Ca-chiên-diên y theo hai mươi hai tác pháp trước hỏi nhãn căn, kế hỏi đơn duyên thức, sau hỏi trùng duyên thức, đây y theo lạc căn tác pháp. Đầu tiên hỏi lạc căn tùy tăng nhiều ít, sẽ giải thích nghĩa tùy tăng, ba đầu biết trong mười sáu lạc căn có cả bảy thức. Đó là cõi Dục của tu dứt. Vì chỉ có năm thức tương ứng, năm bộ cõi Sắc đệ tam thiên lạc căn ý thức tương ứng chung năm bộ, vô lậu thứ bảy y đệ tam thiên nhập vô lậu quán tương ứng lạc. Cõi Vô Sắc chỉ có xả thọ nên không có lạc căn, ví thế trong mười sáu pháp chỉ có bảy.

20. Nói về tùy tăng:

Luận chép: Tất cả vô lậu cho đến tùy miên tùy tăng, là nói lạc căn tùy miên tùy tăng trước phân biệt vô lậu, sau nói sáu thức, cõi Dục tu dứt lạc căn, cõi Dục tu dứt bốn tùy miên tùy tăng và khổ tập hạ, mười một biến hành tùy miên tùy tăng. Đệ tam thiên địa ở cõi Sắc có ba mươi một tùy miên tùy tăng. Trong chín mươi tám tùy miên cõi Dục có mười lăm, cõi Sắc có ba mươi một, tổng cộng có bốn mươi sáu tùy miên tùy tăng. Hoặc có người hỏi cho đến tùy miên tùy tăng, hỏi về chỉ duyên thức, nên quán thức này cho đến đều là năng duyên lạc căn, sẽ giải thích tùy tăng. Trước phải biết đơn duyên thức, trong mười sáu pháp chung bao nhiêu pháp nên biết có mười hai đó là cõi Dục bốn, trừ thấy diệt dứt. Đây do lạc căn có hữu lậu, vô lậu. Hữu lậu lạc căn tương ứng năm thức vì khổ tập đế thuộc cõi Dục, chung khổ, tập thì dứt thức duyên, vì lạc tu đạo đoạn, duyên chung tu dứt ý thức, y đệ tam thiên pháp trí phẩm đạo, vì thuộc đạo đế. Cõi dục thấy đạo đoạn vô lậu duyên tùy miên duyên, diệt đế chẳng phải lạc căn và hoặc nghiệp trong thấy diệt thì dứt, không tương ứng với lạc căn, nên kiến diệt thì dứt, không có thể duyên lạc căn. Do đó cõi Dục chỉ có bốn bộ, năm bộ cõi Sắc đều có thể duyên lạc căn vì lạc căn có cả năm bộ. Năm bộ đều là năng duyên.

Cõi Vô Sắc có hai là thấy đạo đế và tu thì dứt, thấy đạo đế là vô lậu hoặc năng duyên, y theo thiên thứ ba loại trí phẩm đạo. Tu thì dứt là thiện hữu lậu tâm năng duyên vô lậu lạc căn tức vô ngã quán, vô lậu thứ mười hai vì duyên chung ba đế lạc căn. Luận chép: Ở đây tùy theo sự thích ứng Đây tùy sở cho đến tùy miên tùy tăng, chánh là nói tùy tăng

hiều ít, cõi Dục bốn bộ trừ thấy diệt dứt tức hai mươi chín tùy miên tùy tăng cõi Sắc duyên hữu vi trừ cả ba kiến, diệt, đoạn, đó là tà kiến, nghi và vô minh gồm có hai mươi tám tùy miên. Cõi Vô Sắc hai bộ đó là thấy đạo thì dứt có bảy, tu dứt ba và khổ tập hạ biến hành mười một, tổng cộng có hai mươi một tùy miên. Lạc căn duyên thức gồm có bảy mươi tám tùy miên tùy tăng.

21. Nói về trùng duyên thức:

Luận chép: Nếu lại có người hỏi cho đến năng duyên duyên lạc căn, đây là thứ ba nói về trùng duyên thức, sẽ giải thích tùy tăng, trước phải biết duyên duyên lạc căn thức. Mười sáu pháp gồm có mấy loại, gồm có mười bốn thức năng duyên duyên lạc thức, mười hai như trước chỉ duyên thức, lại thêm Vô Sắc thấy khổ, tập dứt hai thứ thêm đủ mười bốn. Sở dĩ đơn duyên tức trừ thấy khổ, thấy tập thì dứt, trùng duyên tức chấp lấy, do khổ tập thì dứt biến hành tùy miên, không thể duyên vô lậu lạc căn, và vì không duyên lạc căn ở cõi dưới. Do đó trùng duyên chấp lấy, do biến hành tùy miên duyên tất cả pháp hữu lậu, tu dứt thiện tâm năng duyên vô lậu lạc căn. Thấy thì dứt thì dứt tà kiến, nghi, vô minh cũng duyên vô lậu lạc căn, các loại này đều là dưới khổ, tập, duyên biến hành tùy miên, do vậy trùng duyên tức gồm khổ tập thì dứt.

Luận chép: Ở đây tùy theo sự thích ứng cho đến tùy miên tùy tăng chánh là nói về tùy tăng, cõi Dục, cõi Sắc như trên, Vô Sắc bốn bộ thêm thấy khổ tập thì dứt, ở đây đối với số đơn duyên thức tùy miên trước, lại thêm bất biến đều có hai tùy miên. Y theo góc cạnh này ngoài ra nên suy nghĩ lựa chọn, theo đây lạc căn dục tùy tăng, trước quán pháp này, trong mười sáu thứ là thuộc cái gì? Nhưng sau để biết tùy miên nhiều ít. Hoặc tâm do kia gọi là có tùy miên, trở xuống một bài kệ thứ chín nói có tâm tùy miên. Luận chép: Cho đến vì tâm khác nhau chia có hai tâm tùy miên, một là có tâm nhiễm loạn đoạn và không dứt gọi là có tâm tùy miên, hai là không có tâm nhiễm, nêu tùy tăng gọi là có tùy miên, dứt rồi không gọi là có tùy miên.

Luận chép: Trong đó có nhiễm cho đến hằng tương ứng, là giải thích có nhiễm, do tương ứng với tùy miên nên gọi là có tùy miên, vì dứt và không dứt hằng tương ứng, dứt và không dứt gọi là có tâm tùy miên. Luận chép: Nếu không nhiễm cho đến gọi có tùy miên, là giải thích vô nhiễm, bất nhiễm tâm hữu lậu y theo tùy miên tùy tăng nên gọi có tùy miên. Do đây chưa dứt gọi là có tùy miên đã dứt không gọi là có tùy miên. Như trên đã nói mười thứ tùy miên từ đây về sau phần thứ mười phát khởi thứ lớp, cho đến nói rộng. Từ vô minh sinh nghi, từ đây do dự

cho đến sẽ oán hiềm, là giải thích sau khi nghi sẽ sinh tà kiến. Chánh Lý lại có hai thứ thứ lớp sợ rườm rà nên không kể ra.

22. Nêu thuyết khác:

Có các Luận sư khác nói cho đến vì kiến là cảnh, là nêu thuyết khác, hoặc sinh thấy thì dứt, sân, lễ ra như Sư khác nói, sanh chung tu đạo sân cũng nối tiếp duyên cái khác. Luận chép: Như thế lại nương cho đến trước sau không chắc chắn ở đây nói khởi bất định. Luận Chánh Lý chép: Các tùy miên khởi không định lớp, vì có thể sau tất cả, tất cả sinh.

Luận chép: Các phiền não khởi do nhiều nhân duyên, trở xuống một bài tụng là thứ mười một nói về nhân duyên khởi. Luận chép: Cho đến gia hạnh có ba lực, là nói ba nhân. Lúc sắp khởi dục tham triền, do chưa dứt tham được làm sức nhân, tức do đắc lực khiến tham sinh. Như Luận Chánh Lý nói. Luận chép: Vì ba duyên nên nói chưa dứt chưa biết khắp, nghĩa là đắc chưa dứt, vì đối trị chưa sinh. Vì chưa biết khắp cảnh Thuận theo cảnh dục tham hiện ra trước là sức cảnh giới, vì duyên kia phi lý tác ý khởi là gia hạnh. Luận chép: Ngoài phiền não khởi loại này nên biết, loại tham cũng có ba lực. Luận chép: Ở đây lại y theo quả A-la-hán v.v... nói có duyên và chỉ một duyên cũng khởi phiền não, nhưng không có ba duyên chung thì không khởi phiền não.

23. Nói về các hoặc:

Luận chép: Trên đây nói cho đến tự thể nó thế nào? Dưới đây là thứ hai của Đại văn nói về các hoặc, trong văn có ba: một là bốn môn như lậu... hai là nói về sáu môn như kiết v.v... ba là nói về năm cái, y theo bốn môn nói về lậu v.v... thứ nhất là nêu ra thể, phần thứ hai giải thích tên, gọi bốn bài tụng sau đây nêu ra thể môn, luận chép cho đến đều có hai mươi sáu, đây nêu ra dục lậu, thể của hữu lậu. Căn bản phiền não ở cõi Dục có ba mươi sáu và mười triền hợp lại có bốn mươi sáu, trừ năm vô minh còn bốn mươi một vật gọi chung là dục lậu. Phiền não căn bản ở cõi Sắc, Vô Sắc đều có ba mươi một, hợp lại có ba mươi hai, đều trừ năm vô minh, tổng cộng có năm mươi hai vật gọi chung là hữu lậu. Luận chép: Chẳng lẽ không kia có cho đến tại sao không nói, là người ngoài vặn hỏi, cõi Dục có đủ mười triền, mười triền đều dục lậu. Cõi trên có hai triền nhân nào mà chẳng phải hữu lậu, lại trái Phẩm Loại Túc nói, kia nói hữu lậu và phiền não triền, nay trong đây vì sao không nói.

24. Dẫn luận để đáp:

Luận chép: Nước Ca-thấp-di-la cho đến không tự tại là dẫn luận

Bà-sa trả lời, một là vì ít, hai là vì không tự tại cho nên không nói. Luận chép: Vì sao hợp nói cho đến là một hữu lậu? là hỏi, Luận chép: Đồng vô ký tánh gọi là hữu lậu, là đáp, ba nhân hợp nói một là vì đồng tánh vô ký, hai là đồng nội môn chuyển, ba là đồng y định địa sinh, lại chỉ cho tùy miên phẩm ở trước ban đầu giải thích có tên tham, thì nghĩa này gọi là hữu lậu Luận Chánh Lý phá rằng: Giới kia phiền não cũng so ngoại môn, vì có duyên cảnh sắc thịnh súc chuyển. Nghĩa là ở đây nên nói vì sao hợp nói hai giới phiền não là một hữu lậu, vì đồng vô ký, vì đồng đối trị, đồng định địa nên hợp thành một, sư Câu xá chống chế tuy cõi trên kia cũng là ngoại môn chuyển, nói nội môn xét nhiều phần thuyết như nói cõi Sắc chẳng lẽ không có thọ v.v... Y theo ba cõi này là vô minh lậu, nêu ra thể của vô minh lậu, đã là dục lậu, hữu lậu đều không chấp lấy vô minh làm thể, nên biết ba giới mười lăm vô minh, nghĩa xét rồi lập làm vô minh lậu, do trong bài tụng này chỉ nói vô minh là gốc các hữu, không nói ba cõi mười lăm vô minh là vô minh lậu, do nói dục lậu. Hữu lậu đã nói lên mười lăm vô minh là vô minh lậu, vì nói dục lậu. Hữu lậu: Đã nói lên mười lăm vô minh là vô minh lậu. Luận chép: Vì sao chỉ có đây lập riêng tên lậu, là hỏi, vì sao dục lậu, hữu lậu đều là các phiền não cùng lập làm một, chỉ có riêng vô minh này lập làm vô minh lậu.

Luận chép: Vô minh có công năng làm gốc các hữu là nêu bài tụng trả lời, vô minh là gốc ba hữu. Do vô minh này khởi các nghiệp v.v... phiền não nên gọi là hữu bốn, chẳng phải trong mười hai chi là gốc vô minh. Vì trong mười hai chi vô minh dùng cả các phiền não làm thể, Luận Chánh Lý chỉ riêng đặt tên lậu, là nói lên tội lỗi vô minh vượt trội nghĩa là thức có thể làm căn bản sinh tử, như Khế kinh nói, vô minh là nhân sinh so với tham nhiễm, cho đến nói rộng ở đây chẳng lẽ là chi vô minh?

25. Nêu thể của ba lậu:

Luận chép: Bộc lưu và nguy ách cho đến và có nguy ách, trên đưa ra thể của ba lậu, ở đây nói thể loại của bộc lưu và nguy ách đồng ba lậu, đồng dùng mười triền, chín mươi tám tùy miên làm thể. Mười triền ba mươi sáu tùy miên, cõi Dục trừ vô minh và kiến, gọi là dục bộc lưu và dục ách. Trong hai cõi trên có sáu mươi hai trừ kiến vô minh là có bộc lưu và có ách, Luận chép: phân tích đưa ra các kiến hợp lại đặt tên là lậu, giải thích lý do lia hợp. Do kiến mạnh mẽ trong bộc lưu v.v... lập riêng làm một, khiến giữ tên là Lậu.

Do thấy tánh mạnh mẽ không thuận trụ, nên đối với lậu cùng

khác hợp lập. Vô minh là gốc của hữu nên lập riêng vô minh, bộc lưu ách v.v... luận chép: như vậy đã hiển bày cho đến có năm, ở đây chỉ thể nhiều ít. Cõi dục có ba mươi sáu tùy miên, trừ năm vô minh, mười hai thứ kiến, tổng trừ mười bảy, ngoài ra có mười chín và mười triền, gồm có hai mươi chín vật gọi là Dục bộc lưu. Tùy miên hai cõi trên có sáu mươi hai, trừ mười vô minh hai mươi bốn kiến, ngoài ra có hai mươi tám vật gọi là có bộc lưu. Ba cõi đều có mười hai kiến, hợp lại có ba mươi sáu vật, tà kiến bộc lưu. Bã cõi mười lăm vô minh là vô minh bộc lưu, nên biết bốn ách đồng với bộc lưu, đây là giải thích bốn thứ ách, bốn ách đều khác vật số nhiều ít, mỗi mỗi đều đồng với bốn bộc lưu. Bốn thủ nên biết thể đồng bốn ách, giải thích bốn thứ thủ, đây là nói thể đồng khai hợp có khác nhau.

26. Khai hợp khác nhau:

Nhưng lời ta muốn nói cho đến khác với ách trước, trước nói thể đồng, ở đây nói khai hợp khác nhau, dục ách trước gọi là giới cấm thủ, nêu riêng để lời văn rất dễ hiểu. Vì sao lập riêng giới cấm thủ? Là hỏi, vì sao Duyên gì bốn thủ lập riêng giới cấm thủ? Đáp do đây riêng làm cho đến là thanh tịnh đạo, là đáp. Do hai nhân cho nên lập riêng. Vì chẳng phải đạo chấp đạo, xả chân đạo kia là oán Thánh đạo, chúng tại gia vọng chấp tự nhĩ đối được sinh tăng trời, mà không thực hành mười điều thiện, các chúng xuất gia, trực tiếp mặc áo rách, ăn cơm dở xả cảnh đáng ưa, giữ hai trăm năm mười giới v.v... vì đạo chân thật không biết đó là duyên giúp đạo, mà không tu hành ba mươi bảy phẩm đạo.

Luận chép: Vì sao vô minh không lập riêng thủ, là hỏi, vì sao vô minh cùng cái khác hợp lập, không lập riêng? Đáp: năng thủ chấp các cõi cho đến hợp lập thành thủ, chấp lấy các cõi nên gọi là thủ, do vô minh không rõ tướng nên kia chẳng phải năng Thủ, và chẳng mạnh mẽ, chỉ có thể cùng khác hợp lập làm thủ, trên đây là theo Hữu Bộ giải thích. Luận chép: Nhưng Khế kinh nói nên biết cũng vậy, đây là nêu Kinh bộ tông. Dục ách là gì? Là trong kinh hỏi, nghĩa là trong các dục, trong nhiều tham dục, hoặc trong cảnh năm dục dục tham cho đến triền yểm tâm trên đây là nói dục tham có nhiều tên gọi rằng buộc tâm. Tội lỗi của dục tham đó gọi là dục ách, kinh nói tham gọi ách. Trong kinh nói có nhiều tên gọi nói lên nhiều tội lỗi, hữu ách, kiến ách nên biết cũng thế, cũng lấy dục tham làm thể, nên luận Chánh Lý chép: Ở đây đối với thể của ái nói tên của ba ách, nhưng chỉ nói ba vô minh ách v.v... dường như lấy vô minh làm thể, ngoài ra kinh nói gọi là dục v.v... chấp lấy, là dẫn kinh thứ hai để chứng minh bốn thủ lấy dùng dục tham

làm thể. Theo Luận Chánh Lý thì ở đây không trái nhau, vì ý kinh khác nhau, cho đến Phật quán sở hóa cơ hành cần làm, trong nhiều thể lại lược nêu một.

Lại như kinh nói: Nếu dứt một pháp thì ta có thể bảo đảm ông đắc quả Bất Hoàn. Một pháp đó là Tát-ca-da-kiến, chẳng phải chỉ dứt pháp này đắc quả Bất Hoàn. Lại như nói vô minh làm che lấp loài hữu tình, nhưng ở chỗ khác nói cái có năm, kinh này cũng vậy, tùy chỗ hóa sinh, trong hiện nối tiếp bị ái làm não loạn, do vậy lược vì kia nói ái không có lỗi, trên đây đã giải thích. Dục có hai ách có thể lược nêu ái vì thuộc ái kia, thế nào là kiến ách? Vì ái tánh khác với kiến ách, nêu ra cũng không có lỗi, do kiến ách gọi y huấn giải thích môn có cả hai nghĩa. Hoặc kiến tức là ách gọi là kiến ách như vô minh ách, hoặc với kiến ách gọi là kiến ách, giống như có ách, Phật dạy đệ tử biết hai nghĩa, mặc dù đối với ái cũng đặt tên kiến ách mà cũng không có lỗi.

27. Giải thích tên gọi:

Luận chép: Nói Như thế đã tùy miên và triền v.v... trở xuống một bài kệ là thứ hai giải thích tên gọi, hai câu trên có bốn nghĩa giải thích tùy miên, một câu thứ ba giải thích bốn nghĩa còn lại câu cuối tổng kết. Luận chép: Cho đến gọi là nhỏ nhiệm là giải thích chữ nhỏ nhiệm trong bài tụng, Luận Chánh Lý cho nên bậc Thánh A-nan-đà nói nay ta không biết đối với đồng phạm hạnh khởi tâm kiêu mạn chẳng? Chẳng nói hoàn toàn không có, do hành tướng mạn tùy miên nhỏ nhiệm, kia sẽ nói tâm mạn có hay không, huống chi các loại dị sinh, ngoài ra so sánh nên biết, có người giải thích kia đối với Sát-na rất nhỏ cũng có tùy tăng nên gọi là nhỏ nhiệm. Hai tùy tăng cho đến tăng hôn trệ, giải thích nghĩa thứ hai của bài tụng. Luận Chánh Lý chép: Tại sao phiền não có sở duyên tương ưng tăng? Là hỏi cảnh tăng tùy miên vô nghi không hỏi, cảnh tùy miên tăng và pháp tương ưng, khó hiểu nên hỏi, như trước đã nói, chỉ cho sư xưa ở trước đã giải thích.

Hoặc như oán hại tìm kiếm từ vết lỗ hồng và như rắn độc nên biết phiền não với tự sở duyên có nghĩa tùy tăng, cùng như thổi sắt nóng có thể làm cho nước nóng và như chạm chất độc, nên biết phiền não đối với tự tương ưng có nghĩa tùy tăng. Trên đây vẫn giải thích sở duyên, tương ưng nghĩa khác dụ cho khác trước là sở duyên sau là tương ưng, cả hai đều đồng sửa mẹ, có thể làm cho trẻ nhỏ theo đó lớn lên. Sửa mẹ có thể làm cho đứa bé lớn lên và kỹ nghệ dần dần chứa nhóm. Sở duyên tương ưng làm cho các phiền não nối tiếp thêm lớn và được chứa nhóm.

28. Nói về cảnh và phiền não tương ứng tăng:

Trước nói về cảnh phiền não tăng và pháp tương ứng, đây là nói về cảnh và phiền não tương ứng tăng. Luận chép: Tùy theo cho đến thường là tội lỗi, giải thích nghĩa thứ ba của bài tụng. Luận Chánh Lý chép: Nghĩa là từ vô thủy cho đến nay trong do khởi nối tiếp theo nhau. Luận chép: Không tác gia hạnh nên gọi là tùy chuyển, là giải thích nghĩa thứ tư của bài tụng, Luận Chánh Lý chép: Vì rất khó lìa bỏ, như bốn mặt trời bị che và chuột độc v.v... Có thuyết nói tùy phược là được hằng tùy, như nước biển bóng tùy theo người đi, do nghĩa như vậy gọi là tùy miên, là tổng kết giải thích tên. Luận Chánh Lý chép: Do đây nói các nhân duyên mười thứ phiền não đặt tên tùy miên, hai luận trên tổng kết tên gọi tùy miên chẳng phải từ môn giải thích. Chỉ là mười thứ phiền não có bốn nghĩa nên đặt tên tùy miên.

Có người nói nhỏ nhiệm là nghĩa miên, ba sau là nghĩa tùy, là sai. Cho nên biết được luận này cũng do nghĩa như thế nên gọi tùy miên. Luận Chánh Lý chép: Do đây nói các nhân duyên, mười thứ phiền não đặt tên tùy miên, nên biết chỉ là lỗi lầm nhiều nên đặt tên tùy miên, chẳng phải trong bốn thứ đó lấy huẩn từ giải thích, vì Luận Chánh Lý có riêng môn huẩn từ. Luận Chánh Lý y môn huẩn từ giải thích tên gọi này đó là tùy lưu miên y môn huẩn từ giải thích tên gọi này, đó là tùy lưu miên trong nối tiếp nên gọi tùy miên. Hoặc tùy miên, miên trong nối tiếp nên gọi là tùy miên tức là thú nhập giai vị giải thoát như thật là nghĩa hôn mê, hoặc có thời gian dài trong địa ngục đuổi theo che lấp loài hữu tình nên gọi Tùy miên. Luận chép: Ngăn lấp hữu tình cho đến gọi là lậu, trên là giải thích chung tên gọi như bờ đê bị rỉ nước có hai nghĩa. Một là nghĩa trụ tức là lưu giữ sinh tử, hai là nghĩa lưu, tức là lưu chuyển trong sinh tử, trong sáu cửa ghê, bài tiết qua không cùng, chính là nói lậu.

29. Giải thích chung tên gọi bộc lưu:

Luận chép: Cực nêu thiện phẩm nên gọi là bộc lưu, là giải thích chung tên gọi bộc lưu, hòa hợp hữu tình nên gọi ách là giải thích chung tên ách, nay hữu tình cùng giới thú sinh cùng hòa hợp nên gọi là ách giống như cày xe. Luận Chánh Lý chép: Với giới, thú sinh hòa hợp gọi là ách, hay làm chỗ nương giữ nên gọi là thủ, là giải thích chung tên thủ, năng cùng chấp lấy tự thể ba cõi làm chỗ nương. Luận Chánh Lý chấp lấy kia, tự thể kia gọi thủ, trên đây là hữu bộ giải thích, hoặc người giải thích giới thì nên nói rằng: Trở xuống là Luận chủ giải thích. Trong các cảnh giới cho đến gọi là lậu, đây là giải thích lậu. Luận chép: hoặc thế

tăng thượng cho đến khó chống trái, là giải thích bộc lưu, lúc hiện hành cho đến nên gọi là ách, ở đây là giải thích ách, Luận chép: Chấp dục v.v... gọi là Thủ, hoặc ái chấp bốn pháp gọi là bốn Thủ.

